

MST: 4100258842

Số: ~~174~~4/BC-LNQN

Gia Lai, ngày ~~21~~ tháng ~~3~~ năm 2026

**BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM 2026**

(Biểu số 2-Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của chính phủ)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và phát triển bền vững diện tích rừng được giao quản lý

- Phấn đấu sản lượng khai thác gỗ rừng trồng bình quân hằng năm tăng 4%; doanh thu bình quân hằng năm tăng 3% và lợi nhuận bình quân hằng năm tăng 3%.

- Phấn đấu thu nhập bình quân của người lao động đạt 13 triệu đồng/người/tháng, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm việc làm cho người lao động.

- Duy trì lực lượng lao động thường xuyên bình quân khoảng 98 người và sử dụng khoảng 800 lao động thời vụ hằng năm, phù hợp với yêu cầu sản xuất, khai thác và chăm sóc rừng.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động trồng, chăm sóc và khai thác rừng; khai thác lâm sản ngoài gỗ; chế biến gỗ và lâm sản; sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ liên quan, góp phần đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ công ích, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; làm chủ đầu tư các công trình, dự án xây dựng rừng phòng hộ theo chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng của Chính phủ và của tỉnh..

- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương..

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1 Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Gỗ rừng trồng	Tấn	60.000
2	Sản xuất cây giống	Triệu cây	6.160

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	56.513
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	103.867
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.517
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.507
5	Thuế và các khoản nộp Nhà nước	Triệu đồng	4.960
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,82
7	Diện tích trồng rừng trong đó:	Ha	
	<i>Trồng lại sau khai thác</i>	“	500
	<i>Trồng rừng thay thế</i>	“	308,06
8	Diện tích chăm sóc rừng :	Ha	
	<i>Chăm sóc rừng trồng sản xuất (2 lần)</i>	“	450
	<i>Chăm sóc rừng thay thế</i>	“	336,09
9	Nhiệm vụ công ích trong đó :	Ha	
	<i>Khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng</i>	“	2.481,74
	<i>Duy tu ranh cản lửa</i>	“	9,24
10	Sản xuất cây giống trong đó :	Triệu cây	
	<i>Sản xuất cây giống</i>	“	6.160
	<i>Tiêu thụ cây con giống</i>	“	

11	Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản	Triệu đồng	8.240
----	------------------------------------	------------	-------

2. Kế hoạch đầu tư của của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...): không có

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Công ty;
- Cổng TTĐT Gia Lai ;
- Cổng TTĐN;
- BGD; KSV (để biết);
- Lưu: VT, KT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY - *[Signature]*

[Signature]
Cái Minh Tùng